



Số / No. 15-2021/AIGAVN-MOIT

Hanoi, _____

V/v: Góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 113/2017/NĐ-CP

Sub: Comment on the draft of amending Decree for Decree No. 113/2017/NĐ-CP

Kính gửi: - **BỘ CÔNG THƯƠNG / Ministry of Industry and Trade**
- **CỤC HOÁ CHẤT / Vietnam Chemicals Agency**

Phúc đáp công văn số 4008/BCT-HC của Bộ Công Thương ngày 07/7/2021 về việc góp ý với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP. Hiệp Hội Khí Công Nghiệp Châu Á tại Việt Nam xin gửi đến Bộ Công Thương những đóng góp ý kiến như bản đính kèm.

Responding to Official Letter No. 4008/BCT-HC of the Ministry of Industry and Trade dated July 7, 2021 on commenting on the draft of Decree amending and supplementing for a number of articles of Decree No. 113/2017/ND-CP. Asia Industrial Gas Association in Vietnam (AIGA VN) would like to send comments to the Ministry of Industry and Trade as attached

Mọi thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ chị Nguyễn Kim Trinh – Tổng Thư Ký Hiệp Hội, điện thoại 0908030530; email kimtrinh@aigavn.com.vn Trường hợp cần gửi thư qua chuyển phát nhanh, vui lòng gửi đến địa chỉ L6-43-03 Vinhomes Central Park, 720A Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

For further information, if any, please contact to Ms. Nguyen Kim Trinh – Secretary General, mobile 0908030530 and/or email kimtrinh@aigavn.com.vn. In case of sending your document by couriered, please send to the address at L6-43-03 Vinhomes Central Park, 720A Dien Bien Phu, Group.22, Binh Thanh Dist., HCMC

Chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào

Sincerely thanks and best regards!

HIỆP HỘI KHÍ CÔNG NGHIỆP CHÂU Á TẠI VIỆT NAM
ASIA INDUSTRIAL GASES ASSOCIATION IN VIETNAM

Nơi Nhận/ Received:

✓ Bộ Công Thương

✓ Lưu tại AIGA
VN

ANTHONY YOHANN GRANDPIERRE

Trưởng Đại Diện – Chief Representative

DANH MỤC NỘI DUNG GÓP Ý

LIST OF COMMENT

STT	KHOẢN/MỤC	NỘI DUNG GÓP Ý / <i>content</i>
A – Nghị định SỬA ĐỔI nghị định 113 / <i>Amended decree of Decree no. 113</i>		
A.1	<p>Chỉnh sửa tiểu mục d), khoản 3, Điều 21</p> <p><i>Adjust item d), clause 3, article 21</i></p>	<p>d) Hàng năm các cơ sở hoá chất phải tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố hoá chất đã được xây dựng trong Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất với sự chứng kiến hoặc chỉ đạo của đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương hoặc tự diễn tập và có ghi nhận lại bằng hình ảnh, video và báo cáo gửi về cơ quan quản lý địa phương trong trường hợp cơ sở hoá chất thuộc danh mục hoá chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất nhưng dưới ngưỡng quy định tại phụ lục IV, nghị định số 113/2017/NĐ-CP</p> <p><i>Every year, chemical units must organize rehearsals of chemical incident response plans that established in chemical incident prevention and response measures with the witness or direction of representatives of local management agencies or self-rehearsal and record with photos, videos and reports to the local management agency in case a chemical unit on the list of hazardous chemicals which must establish a prevention plan, responding to chemical incidents but below the threshold specified in Appendix IV, Decree No. 113/2017/ND-CP</i></p>
B – Nghị định 113 / <i>Decree 113</i>		
B.1	<p>Bổ sung khoản 6 Điều 3</p> <p><i>Supplement Clause 6, Article 3</i></p>	<p>Dây chuyền sản xuất tại chỗ đặt tại khách hàng là dây chuyền/cụm thiết bị, trạm được cung cấp và lắp đặt bởi nhà cung cấp. Dây chuyền được vận hành tự động hoặc từ xa, không cần người vận hành tại hiện trường. Toàn bộ sản phẩm sản xuất ra chỉ cung cấp cho khách hàng. Dây chuyền được hiểu như một công đoạn trong dây chuyền sản xuất tổng thể của khách hàng với cơ sở hạ tầng chung như cung cấp, điện, nước, phòng cháy chữa cháy, môi trường v.v.</p> <p><i>The on-site production line located at the customer is a line/set of equipment, stations provided and installed by the supplier. The line can be operated automatically or remotely, without operator at site. All products produced are provided to this customer only. The line is understood as a stage in the customer's overall production line with general infrastructure such as supply, electricity, water, fire protection, environment, etc.</i></p>
B.2	<p>Bổ sung khoản 2, Điều 8</p> <p><i>Supplement clause 2, Article 8</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép có thể cấp theo từng hóa chất cụ thể hoặc theo nhóm/loại hóa chất có tính chất tương tự. Doanh nghiệp không phải xin giấy phép mới hoặc sửa đổi giấy phép khi sản xuất kinh doanh hóa chất mới thuộc nhóm đã được cấp phép tuy nhiên phải đảm bảo tổng khối lượng của nhóm vẫn nằm trong phạm vi quy định của giấy phép. Phụ lục I thay đổi có thêm cột phân nhóm/loại gồm các hóa chất có tính chất giống nhau <p><i>License can be issued for each specific chemical or for a group/type of chemical with similar properties. Enterprises do not have to apply for a new license or modify a license when producing and trading new chemicals in the licensed group but must ensure that the total volume of the group is still within the scope of the license.</i></p> <p><i>Appendix I: Change to add a column of groups/categories of chemicals with similar properties</i></p>

STT	KHOẢN/MỤC	NỘI DUNG GÓP Ý / <i>content</i>
B.3	Bổ sung mục 1.a, Điều 10 <i>Supplement item 1.a, Article 10</i>	<p>1.a, Thủ tục cấp giấy phép sản xuất cho tổ chức, cá nhân có nhà máy/dây chuyền sản xuất tại chỗ, kết nối và nằm trong khu vực nhà máy của khách hàng, gồm:</p> <p><i>Procedures for issuing a production license to an organization or individual that has an on-site factory/production plant, connected to, and located in the customer's factory area, including:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> a. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định tại khoản 7 Điều này theo tên của đơn vị sở hữu dây chuyền, địa chỉ lắp đặt ghi theo địa chỉ khách hàng nơi đặt dây chuyền. <i>A written request for issuance of the license of eligibility for production of chemicals subject to conditional production and trading in the industrial sector according to the form specified in Clause 7 of this Article, according to the name of the unit owning the plant, the installation address order according to the customer's address where the plant is located.</i> b. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh lấy theo tên và địa chỉ đơn vị sở hữu dây chuyền. <i>A copy of the license of Business Registration or license of Cooperative Registration or license of Business Household Registration with the name and address of the unit that owns the plant.</i> c. Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành lấy theo hồ sơ của khách hàng nơi đặt dây chuyền. <i>A copy of the approval decision or written confirmation of documents related to environmental protection in accordance with the law issued by a competent state management agency, obtained according to the records of the customer where the production plant is located.</i> d. Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy lấy theo hồ sơ của khách hàng nơi đặt dây chuyền. <i>A copy of the certificate of approval for design of fire prevention and fighting and the written approval for acceptance of the fire prevention and fighting system of the competent authority for each production facility subject to design approval on fire prevention and fighting, according to the customer's records where the plant is located.</i> đ. Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy lấy theo hồ sơ của khách hàng nơi đặt dây chuyền. <i>Fire prevention and fighting safety inspection record or a document from a competent agency proving the assurance of fire prevention and fighting safety conditions for each production unit is not compulsory that must verify and approve the fire prevention and fighting design according to the customer's records where the plant is located.</i> e) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa lấy theo hồ sơ của khách hàng nơi đặt dây chuyền.

STT	KHOẢN/MỤC	NỘI DUNG GÓP Ý / <i>content</i>
		<p><i>The overall drawing of the system of premises of factories and warehouses must include information about the location of the workshop, warehouse, chemical storage area, area and the road to the workshop, chemical production, and storage areas; A copy of the document proving the right to use the land plot for the construction of the factory, warehouse or the lease contract for the factory, warehouse, according to the customer's document where the plant is located.</i></p> <p>g) Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất. Đơn vị sở hữu dây chuyền cung cấp <i>The declaration of technical equipment, labor, and safety equipment of the chemical production unit is provided by plant owner</i></p> <p>h) Bản sao bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất. Cung cấp bởi đơn vị sở hữu dây chuyền theo địa chỉ trụ sở/ nhà máy chính của đơn vị sở hữu dây chuyền <i>A copy of the university degree or higher in chemistry of the director or deputy technical director or the technical officer in charge of chemical production activities of the manufacturing unit is provided by the plant owner at the address of the head office/main factory of the plant owner</i></p> <p>✚ Bản sao quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hoá chất của tổ chức cá nhân. cung cấp bởi đơn vị sở hữu dây chuyền <i>A copy of the organization or individual's decision to recognize the results of the chemical safety training inspection is provided by the plant owner</i></p> <p>k) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất theo quy định cung cấp bởi đơn vị sở hữu dây chuyền <i>Chemical safety sheets of hazardous chemicals in the production unit as regulation is provided by the unit owning the production plant.</i></p>
B.4	Bổ sung khoản 1, Điều 14 <i>Supplement clause 1, Article 14</i>	<p>Giấy phép có thể cấp theo từng hóa chất cụ thể hoặc theo nhóm/loại hóa chất có tính chất tương tự. Doanh nghiệp không phải xin giấy phép mới hoặc sửa đổi giấy phép khi sản xuất kinh doanh hóa chất mới thuộc nhóm đã được cấp phép tuy nhiên phải đảm bảo tổng khối lượng của nhóm vẫn nằm trong phạm vi quy định của giấy phép. <i>License can be issued for each specific chemical or for a group/type of chemical with similar properties. Enterprises do not have to apply for a new license or modify a license when producing and trading new chemicals in the licensed group but must ensure that the total volume of the group is still within the scope of the license.</i></p> <p>Phụ lục II thay đổi có thêm cột phân nhóm/loại gồm các hóa chất có tính chất giống nhau <i>Appendix II: Change to add a column of groups/categories of chemicals with similar properties</i></p>
B.5	Bổ sung tiểu mục e) khoản 3, Điều 16 <i>Supplement item e) clause 3, article 16</i>	<p>e) Đối với các tổ chức, cá nhân có chứng nhận ISO 9001 hoặc/và ISO45001 còn hiệu lực, được cấp bởi các tổ chức chứng nhận có giấy phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thì không phải gia hạn Giấy phép sản xuất, kinh doanh hoá chất hạn chế. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính hiệu lực của chứng nhận ISO đã được cấp. <i>For organizations and individuals with valid ISO 9001 or/and ISO45001 certifications, which are issued by certification bodies with legal licenses to operate in Vietnam, they are not required to renew their limited chemical production and business licenses. Organizations and individuals are responsible for the efficiency of the issued ISO certification.</i></p>

STT	KHOẢN/MỤC	NỘI DUNG GÓP Ý / <i>content</i>
B.6	Bổ sung tiểu mục đ) khoản 8, Điều 20 <i>Supplement item đ) clause 8, Article 20</i>	<p>đ) Trường hợp có sự thay đổi về loại hoặc / và số lượng hoá chất (có trong danh mục hoặc/và chưa có trong danh mục Phụ Lục IV của nghị định này) so với Bản Kế Hoạch đã được phê duyệt, thì tổ chức, cá nhân chỉ cần làm bản phụ lục bổ sung, hồ sơ gồm:</p> <p><i>In case of there is a change in the type or/and quantity of chemicals (in the list and/or not in the list of Appendix IV of this Decree) compared to the approved Plan, the organization, Individuals only need to make an additional appendix, the dossier includes:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản kế hoạch đã được phê duyệt <i>Plan approved</i> - Hồ sơ về các loại, số lượng hoá chất cần bổ sung <i>Dossier on types and quantities of chemicals to be added</i>
B.7	Chỉnh sửa khoản 2, Điều 34 <i>Adjust clause 2, Article 34</i>	<p>Hoạt động huấn luyện an toàn hóa chất có thể được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định. Nhưng vẫn bảo đảm các nội dung như quy định tại Điều 33 của Nghị định này</p> <p><i>Chemical safety training can be organized on its own or in combination with other safety training activities prescribed by law. But still ensure the contents as prescribed in Article 33 of this Decree</i></p>
B.8	Bỏ tiểu mục b) , Khoản 1, Điều 32 <i>Delete item b) clause 1, Article 32</i>	<p>b) Cấp phó của người đứng đầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được giao nhiệm vụ phụ trách công tác an toàn hóa chất.</p> <p><i>The deputy head of the head according to the provisions of item a, Clause 1 of this Article is assigned the task of in charge of chemical safety.</i></p>
B.9	Chỉnh sửa khoản 5, Điều 33 <i>Adjust clause 5, Article 33</i>	<p>Người huấn luyện an toàn hóa chất phải có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất hoặc kỹ thuật và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc về an toàn hóa chất.</p> <p><i>Chemical safety trainers must have a university degree or higher in a chemical or technical discipline and have at least 5 years of working experience in chemical safety.</i></p>
B.10	Chỉnh sửa khoản 6, Điều 33 <i>Adjust clause 6, Article 33</i>	<p>6. Quy định về thời gian huấn luyện an toàn hóa chất:</p> <p><i>Regulations on chemical safety training time</i></p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đối với Nhóm 1: Tối thiểu 4 8 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra; <i>For Group 1: At least 4 8 hours, including test time</i> b) Đối với Nhóm 2: Tối thiểu 8 12 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra; <i>For Group 2: At least 8 12 hours, including test time</i> c) Đối với Nhóm 3: Tối thiểu 8 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra. <i>For Group 3: Minimum 8 16 hours, including test time</i>

Ghi chú: Vui lòng tham khảo văn bản Nghị Định 113/2017/NĐ-CP đính kèm về chi tiết góp ý

Note: Please refer to the attached document Decree 113/2017/ND-CP for details of comments